

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16/6/2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tiềm

2. Bà Phạm Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 và giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bé T**, sinh năm 1992. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu vực B, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng Q**, sinh năm 1994. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực B, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2023 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé T trình bày:

Vào năm 2010, chị và anh Nguyễn Hoàng Q xây dựng hôn nhân do mai mối, được cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/8/2013 tại Ủy ban nhân dân phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cuộc sống, thường bất hòa về tình cảm và kinh tế, do anh Q không đi làm mà chỉ ở nhà ăn chơi và gây nợ nần. Chị có khuyên ngăn nhưng anh Q vẫn không thay đổi, trong khi chị vừa phải chăm sóc hai con nhỏ vừa phải lo kinh tế trả nợ cho anh. Chị đã cố hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn càng trầm trọng hơn, anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Xét thấy không còn tình cảm và không thể nào chung sống với nhau được nữa. Nay chị xin được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Anh chị có hai con tên Nguyễn Đạt T (nam), sinh ngày 13/11/2011 và Nguyễn Thanh V (nữ), sinh ngày 10/3/2019, hiện đang sống chung gia đình. Khi ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng hai con đến trưởng thành, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai đề ngày 19/5/2023 và quá trình giải quyết, bị đơn anh Nguyễn Hoàng Q trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Bé T do mai mối, được cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/8/2013 tại Ủy ban nhân dân phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình. Sau khi cưới, anh có ăn chơi có nợ nên không lo được kinh tế cho gia đình, không có tiền lo cho con chỉ có vợ đi làm lo tiền học cho con, anh không bao giờ kêu vợ trả nợ, nợ do cha mẹ anh trả, trong thời gian chung sống anh không có đánh đập hay chửi mắng vợ con. Anh cũng cố hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị T chưa đồng ý, anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có hai con tên Nguyễn Đạt T (nam), sinh ngày 13/11/2011 và Nguyễn Thanh V (nữ), sinh ngày 10/3/2019, hiện đang sống chung gia đình. Trường hợp chị T cương quyết ly hôn, anh đồng ý tiếp tục giao hai con cho chị T nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng số tiền 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Thống nhất không có.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị T không còn tình cảm với anh Q nên cương quyết xin ly hôn. Chị T đồng ý việc anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng số tiền 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi nên yêu cầu anh Q thực hiện để thể hiện trách nhiệm làm cha.

- Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Bé T và anh Nguyễn Hoàng Q tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn, chị T khởi kiện xin ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt nhiều lần không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2013, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T cho rằng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bất hòa về tình cảm và kinh tế, do anh Q ăn chơi và gây nợ nần. Chị có khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh Q vẫn không thay đổi nên mâu thuẫn trầm trọng hơn, đến năm 2019 chị đã về nhà cha mẹ ruột ở và đã ly thân từ đó đến nay. Chị không còn tình cảm với anh Q nên yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về phía anh Q, mặc dù vắng mặt nhưng trong Bản tự khai ngày 19/5/2023 và quá trình giải quyết, anh thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do bất đồng quan điểm về tình cảm và kinh tế gia đình, anh có ăn chơi có nợ nên không lo được kinh tế cho gia đình. Sau đó chị T đã về nhà cha mẹ ruột sống

nên anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh Q phát sinh từ năm 2014 là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình nên ít quan tâm nhau dẫn đến mất hạnh phúc. Anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay, chị T cho rằng không còn tình cảm với anh Q nên cương quyết xin ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Q cho rằng còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm gia đình, thời gian qua cũng không còn quan tâm gì đến nhau. Cho nên, ý kiến mong muốn đoàn tụ của anh Q được xem như lời nài ra mà không có thiện chí khắc phục. Hơn nữa, trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Điều đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng và cho đến nay không có biện pháp khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Q là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh chị thống nhất có hai con tên Nguyễn Đạt T (nam), sinh ngày 13/11/2011 và Nguyễn Thanh V (nữ), sinh ngày 10/3/2019; ngoài ra không có con nuôi hay con riêng gì khác.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa, chị T cho rằng hai cháu Đạt T và Thanh V có sức khỏe tốt, phát triển bình thường về thể chất và khả năng nhận biết. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q cho rằng không muốn con chung sống thiếu cha hoặc mẹ nên không đồng ý ly hôn nhưng trường hợp chị T cương quyết ly hôn, anh đồng ý tiếp tục giao hai cháu cho chị T nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Việc chăm lo và giáo dục để các cháu phát triển lành mạnh (sự phát triển toàn diện của các cháu như trên) đều cần sự vun đắp, tạo dựng của cả chị T và anh Q. Nên việc vắng mẹ (chị T) hoặc cha (anh Q) đều gây trở ngại cho các cháu, tức là: có thể thiếu thốn hơn về điều kiện kinh tế hoặc không đảm bảo tốt về tinh thần. Song, cần xem xét thỏa đáng để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho sự phát triển của trẻ, lần lượt như sau:

Theo lời trình bày của chị T và anh Q đều thống nhất hai cháu Đạt T và Thanh V vẫn chung sống với chị T và phía chị T là người trực tiếp chăm sóc

nuôi dưỡng các cháu cho đến nay. Thời gian qua chị vẫn tạo điều kiện cho anh Q tới lui thăm nom, đưa cháu về bên nội để chăm sóc. Vì vậy, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu đến trưởng thành.

Thực tế hai cháu Đạt T và Thanh V đã được phía chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay các cháu vẫn đang sống với phía chị T, chị T có đảm bảo cho các cháu các điều kiện về sinh hoạt, học tập và cuộc sống cũng như đảm bảo cho sự phát triển của trẻ, cháu Thanh V là cháu gái mới hơn 04 tuổi nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng từ người mẹ, cần tránh gây sự xáo trộn quá lớn trong cuộc sống sinh hoạt và tinh thần của trẻ; hơn nữa ở độ tuổi này xem như mới chập chững bước vào một môi trường mới rất cần sự dìu dắt, dạy dỗ từ người mẹ với những bước đi đầu đời; do đó, việc giao cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Đạt T và Thanh V đến trưởng thành là phù hợp với quy định pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đạt T.

Song, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái (con chung) là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con (anh Q) có quyền thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở anh Q thực hiện quyền này.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh Q đã tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai cháu Đạt T và Thanh V mỗi tháng số tiền 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh Q đều thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83; 107; 110; 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng Q.

- Về con chung: Giao hai cháu tên Nguyễn Đạt T (nam), sinh ngày 13/11/2011 và Nguyễn Thanh V (nữ), sinh ngày 10/3/2019 cho chị Trúc trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu Đạt T và Thanh V mỗi tháng số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)/tháng cho đến khi hai cháu Đạt T và Thanh V đủ 18 tuổi.

Anh Q có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh Q thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bé T phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0003512 ngày 20/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô sang thành tiền án phí (công nhận chị T đã nộp xong).

Anh Nguyễn Hoàng Q phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ô, thành phố Cần Thơ.

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Ô;
- Chi cục THADS Q. Ô;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký

Lê Thị Thúy Hằng